TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN MƯỜNG TÈ	**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2019
(V/v: *Tuyên bố không công nhận là vợ chồng*).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lò Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Lình và ông Lý Ngọc Sáng.

Thư ký phiên tòa bà: Lâm Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Tè.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST - HNGĐ ngày 18/9/2019 về việc: Không công nhận là vợ chồng, theo thông báo mở phiên tòa số: 01/2019/TB-TA ngày 8/11/2019, giữa các đương sự:

1. Anh Chu Pó X - Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1971.
- Quê quán: Bản P, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu
- Nơi ĐKHKTT: Khu p huyện M, tỉnh Lai Châu.
- Nghề nghiệp: Cán bộ
- Đơn vị công tác: Tr huyện M, tỉnh Lai Châu.
- Số CMND: 045191474, cấp ngày 30/10/2015, nơi cấp: Công an tỉnh Lai Châu.
- Có mặt.

2. Chị Lỳ Mò P - Sinh năm 1965.
- Quê quán: xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu
- Nơi ĐKHKTT: Khu P thị trấn huyện M, tỉnh Lai Châu.
- Nghề nghiệp: không
- Số CMND: 045233306, cấp ngày 20/12/2016, nơi cấp: Công an tỉnh Lai Châu.
- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/7/2019; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Chu Pớ X trình bày: anh và chị Lỳ Mò P về chung sống tự nguyện với nhau từ tháng 11 năm 1990 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bản thân anh là bác sỹ thường xuyên phải đi công tác, đi trực ở bệnh viện, thời gian quan tâm đến vợ con ít do vậy chị P hay ghen tuông, thường xuyên cãi nhau. Đến nay vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau người nào chỉ biết bổn phận người đó, đã được gia đình hai bên động viên hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được, đến nay đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh X xin ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị P. Về con anh và chị P có 04 (Bốn) con, nay các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày mở phiên tòa xét xử lần một chị Ly Mò P đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ và trực tiếp đến gia đình làm việc với chị nhưng chị P không có thái độ hợp tác, không ký, điểm chỉ vào bất cứ một văn bản tố tụng nào của Tòa án, chị không trình bày được lý do chính đáng. Tại phiên Tòa hôm nay chị có mặt và trình bày: Khi lấy nhau là do bố mẹ hai bên lấy cho, chị không có ý kiến gì phản đối, chị thừa nhận trong thời gian sống chung do anh X có quan hệ với người con gái khác, chị không đồng ý nên thường xuyên ghen tuông, chửi bới anh, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng dần dần bị dạn nứt, không thể hòa hợp được kể từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh X xin ly hôn chị không đồng ý ký đơn ly hôn, chị yêu cầu anh X phải trả hết toàn bộ số tiền còn nợ trong thời kỳ chung sống. Về con anh, chị P có 04 (Bốn) con, nay các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Chu Pó X trình bày: Về tài sản, nợ trong thời kỳ chung sống bao gồm (01 ngôi nhà xây cấp 4, 03 gian trên 01 diện tích đất 192,0 m2 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01779 ngày 23/12/2016 ở tại khu p thị trấn huyện M; Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Tè số tiền 50.000.000 đồng; Nợ anh Lỳ Lò T số tiền 50.000.000 đồng; Nợ anh Lỳ Sì P số tiền 50.000.000 đồng; Nợ chị Lỳ Mò P số tiền 180.000.000 đồng; Nợ tiền nhà, đất chưa trả cho vợ chồng X - C số tiền 280.000.000 đồng). Anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị P, anh cam kết tự nguyện để lại toàn bộ nhà, đất và chịu toàn bộ trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ như trên trong thời kỳ sống chung cho chị Ly Mò P, anh đề nghị cho vợ chồng được tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P cũng hoàn toàn đồng ý, không có ý kiến, trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện tương đối dầy đủng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 97, Điều 98, Điều 195, Điều 196 và khoản 1 Điều 175/Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung căn cứ khoản 1 Điều 28/Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 14, 15, 16, 51, 53, 54, 56,57/ Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Chu Pó X.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Chu Pó X và chị Ly Mò P.
- Ghi nhận sự thỏa thuận của anh X và chị P về; Tài sản chung và nợ chung tại phiên Tòa.
- Về án phí: Anh Chu Pó X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2010/0002674 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng dân sự: Anh Chu Pó X có đơn xin ly hôn với chị Ly Mò P. Theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39/ Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Chu Pó X và chị Lỳ Mò P không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, sau khi xem xét ý kiến phát biểu, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10: Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 nam nữ chung sống với nhau mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng, anh Chu Pó X và chị Lỳ Mò P tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1990, được hai bên gia đình công nhận, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và đến

nay cũng không khắc phục được. Anh Chu Pó X và chị Lỳ Mò P có đủ điều kiện để kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Nay anh X xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống được với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, do anh X đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị P, thuộc trường hợp không được hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa anh X và chị P là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 53/ Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung; Tài sản chung và nợ chung anh Chu Pó X và chị Lỳ Mò P tự nguyện thỏa thuận, giải quyết được với nhau tại phiên tòa, xét thấy là phù hợp theo quy đinh tại Điều 15; Điều 16/ Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh X và chị P.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh Chu Pó X nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2010/0002674 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5, Điều 147; Điều 262 và Điều 266/ Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53/Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Chu Pó X - Sinh năm 1971 và chị Ly Mò P - Sinh năm 1965.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh X và chị P: Tài sản chung và nợ chung như sau:

- Về tài sản: 01(Một) ngôi nhà xây cấp 4, 03 (Ba) gian trên 01 (Một) diện tích đất 192,0 m2 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01779 ngày 23/12/2016 ở tại khu p thị trấn huyện M, anh X để lại toàn bộ nhà, đất cho chị Lỳ Mò P.

- Về nợ: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Tè số tiền 50.000.000 đồng; Nợ anh Lỳ Lò T số tiền 50.000.000 đồng; Nợ anh Lỳ Sì P số tiền 50.000.000 đồng; Nợ chị Lỳ Mò P số tiền 180.000.000 đồng; Nợ tiền nhà, đất chưa trả cho vợ chồng X - C số tiền 280.000.000 đồng). Anh X nhất trí, cam kết tự nguyện chịu toàn bộ trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho chị Ly Mò P.

3. Về án phí: anh Chu Pó X phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2010/0002674 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè
- CCTHADS huyện Mường Tè
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lò Xuân Hải